TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **70**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2020/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Trần Thị Tú Q**, sinh năm 19xx.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Tô Thanh T (tên gọi khác: X)**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số C, đường C1, khóm C1, phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, tính tình trái ngược nhau gây ra cãi vã thường xuyên gia đình không còn yên vui như trước, niềm tin lẫn nhau không còn nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà Q và ông T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà Q và ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu,

tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T có một người con chung tên Tô Trần Gia B (nam), sinh ngày 02/10/20xx. Sau khi ly hôn bà Q và ông T đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Tô Trần Gia B (nam), sinh ngày 02/10/20xx cho bà Trần Thị Tú Q được trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều thống nhất thỏa thuận, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Tô Trần Gia B (nam), sinh ngày 02/10/20xx cho bà Trần Thị Tú Q được trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều thống nhất thỏa thuận, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tô Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tú Q và ông Tô Thanh T mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông T và bà Q đã nộp theo các biên lai thu số 0004371 và 0004372 cùng ngày 06/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Q và ông T đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường x8, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan